

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 65-KH/ĐU ngày 17/4/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị quyết) và Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi là Chỉ thị).

- Tăng cường năng lực quản lý, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và thực thi hiệu quả chính sách, pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Quán triệt, nhận thức đầy đủ nội dung Nghị quyết của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Xác định rõ bảo vệ môi trường là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, doanh nghiệp và nhân dân.

- Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường xác định việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên hàng năm. Gắn việc chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường, chủ

động thích ứng với biến đổi khí hậu với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và Kế hoạch đề ra.

- Xác định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, ban ngành, chính quyền địa phương trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị, đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, kịp thời, hiệu quả.

- Đảm bảo các điều kiện tài chính, cơ sở vật chất và nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường do bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn; cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, góp phần xây dựng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030 với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ động ứng phó hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, từng bước giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu của cơ quan chuyên môn các cấp; phát huy vai trò của chính quyền cơ sở trong tuyên truyền, vận động cộng đồng và triển khai mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước hình thành ý thức chủ động phòng tránh thiên tai cho cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Giảm ô nhiễm môi trường bụi, khí thải

- Chất lượng môi trường không khí trên phạm vi toàn tỉnh từng bước được kiểm soát, cải thiện: Nồng độ bụi PM2.5 trung bình năm vào năm 2030 giảm tối thiểu 10% so với mức trung bình năm 2024; đối với các đô thị trên địa bàn toàn tỉnh, chỉ số VN_AQI năm sau tốt hơn năm trước.

- Hệ thống hạ tầng giao thông đô thị được hoàn thiện đồng bộ, đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng; hệ thống phương tiện giao thông công cộng được đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường; thực hiện chuyển đổi, nâng cấp phương tiện giao thông công cộng theo Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải. Ưu tiên quỹ đất và xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư hệ thống trạm sạc xe

điện đồng bộ tại các bãi đỗ xe công cộng, trung tâm thương mại, khu du lịch và các điểm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ đi qua địa bàn tỉnh.

- 100% phương tiện tham gia giao thông đường bộ (bao gồm xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy) được quản lý, kiểm soát về khí thải theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

- 100% các nguồn phát sinh khí thải lớn thuộc các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao: Khai thác khoáng sản, xi măng, sản xuất và chế biến vật liệu xây dựng, nhiệt điện, luyện thép, lò hơi... trên địa bàn tỉnh được quản lý, kiểm soát chặt chẽ và từng bước có lộ trình giảm phát thải; 100% cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản lắp đặt, vận hành công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.

- 100% các công trường thi công xây dựng được quản lý chặt chẽ, các biện pháp bảo vệ môi trường, che chắn, rửa xe công trường được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định; 100% chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng được quản lý chặt chẽ theo quy định, đảm bảo các xe vận chuyển vật liệu có che phủ, chở đúng trọng tải, chạy đúng tốc độ, không làm rơi vãi vật liệu ra đường khi vận chuyển.

- Chấm dứt hoạt động đốt rác và đốt phụ phẩm nông nghiệp ngoài trời không đúng quy định; phấn đấu 100% phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp trên đồng ruộng (rơm, rạ...) được tái sử dụng, tái chế bằng biện pháp phù hợp.

- Đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng và ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số vào quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo về nguồn thải và chất lượng môi trường không khí.

- Triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Ninh Bình sau khi được ban hành.

b) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do nước thải

- 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đầu tư mới có trạm xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường

- 100% các dự án đầu tư có đầy đủ thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định.

- Kiểm soát các nguồn nước thải lớn, có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao thông qua hệ thống tiếp nhận, truyền dữ liệu quan trắc nước thải tự động liên tục.

- Phấn đấu 100% khu đô thị mới, khu dân cư mới được thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- Từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước và cải thiện chất lượng môi trường nước lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

- Triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sau khi được ban hành.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường tại các làng nghề; rà soát, đề xuất lộ trình di dời, chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển trong làng nghề.

c) Giảm ô nhiễm môi trường do chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt trên 94%, trong đó khu vực đô thị trên 97%, khu vực nông thôn trên 92%; dưới 10% rác thải sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng rác thải sinh hoạt được thu gom; 100% các bãi rác tự phát, gây ô nhiễm môi trường được đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường.

- Phần đầu 98% chất thải nguy hại (trong đó 100% chất thải rắn y tế nguy hại) được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, thải bỏ, chôn lấp các loại chất thải.

- Các nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì theo quy định.

- Thực hiện xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường bãi chôn lấp B tại thung Quèn Khó, phường Trung Sơn (cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Các đơn vị thu gom, vận chuyển được trang bị các trang thiết bị, phương tiện thu gom chất thải đầy đủ để thu gom chất thải và phù hợp với loại chất thải được phân loại.

- 100% các xã/phường bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân đáp ứng nhu cầu của địa phương.

- Giảm dần quy mô xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp trực tiếp và tiến tới đóng cửa, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các bãi chôn lấp không còn khả năng tiếp nhận chất thải.

- Dừng hoạt động đối với các lò đốt rác quy mô nhỏ lẻ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

d) Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải, chôn lấp các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường đất.

- Sử dụng hiệu quả hóa chất, hạn chế thuốc trừ sâu, phân hóa học, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân sinh học, áp dụng canh tác bền vững (luân canh, xen canh, nông lâm kết hợp).

- Thu gom triệt để bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên khu vực đồng ruộng, canh tác nông nghiệp.

- Rà soát, điều tra, đánh giá, phân loại, lập và thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi khu vực đất bị ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên địa bàn.

- Trồng cây xanh, phủ xanh đất trống đồi trọc để chống xói mòn, giữ chất dinh dưỡng.

đ) Bảo tồn đa dạng sinh học

- Tăng cường kiểm soát, quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tăng cường công tác bảo vệ các vùng đất ngập nước quan trọng.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Đảm bảo độ che phủ rừng tăng ổn định đến năm 2030 là 2,0%; bảo vệ, phục hồi hệ sinh thái rừng

ngập mặn; nâng cao chất lượng phòng hộ của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu rừng; thúc đẩy chiến lược trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh bài bản gắn với hoàn thiện hạ tầng xanh.

e) Ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế, xã hội; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực.

- Giám sát các cơ sở phát thải khí nhà kính, các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính từ 3.000 tấn CO₂td trở lên trên địa bàn tỉnh thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. Tham gia phối hợp kiểm soát mức phát thải nhà kính, bảo đảm tổng lượng phát thải nhà kính theo kịch bản tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia và các cam kết của Việt Nam.

- Đẩy nhanh lộ trình tham gia thị trường tín chỉ các - bon, thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả đạt mục tiêu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch này; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cơ sở.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải; thực hiện công khai thông tin về môi trường nhằm tạo điều kiện cho cộng đồng, người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, thay đổi hành vi, thói quen, lối sống và chủ động tham gia có trách nhiệm và thân thiện với môi trường; thúc đẩy các hoạt động

chuyên đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế các - bon thấp, kinh tế tuần hoàn; quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Lòng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình giáo dục và hoạt động ngoại khóa tại các cơ sở giáo dục, bảo đảm thiết thực, trực quan góp phần nâng cao nhận thức, hình thành ý thức bảo vệ môi trường cho các thế hệ trẻ từ mầm non trở lên.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh, các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát hiện, biểu dương và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác bảo vệ môi trường; gắn tiêu chí môi trường với phong trào toàn dân bảo vệ môi trường; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong phát triển rừng, lâm nghiệp bền vững, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo định kỳ 10 năm cấp tỉnh. Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ động quản lý, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, nhất là nước thải công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, làng nghề, các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung và các dự án đầu tư vào khu vực ven biển. Tập trung triển khai các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; kiểm soát chất lượng môi trường không khí tại các khu vực khai thác khoáng sản, chế biến vật liệu xây dựng, vận tải, nổ mìn, cụm công nghiệp, làng nghề có công nghệ lạc hậu. Hoàn thành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung theo quy hoạch; xây dựng kế hoạch, lộ trình đóng cửa, di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, khu đô thị.

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép xây dựng đối với dự án; không thu hút các dự án có công nghệ lạc hậu, hạn chế thu hút các dự án tiêu hao năng lượng, nước, lao động,... Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, tăng cường công tác kiểm tra, vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường đã được cấp; kiên quyết dừng, chấm dứt hoạt động đối với các dự án không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, khoáng sản theo hướng phát triển xanh, bền vững. Thực hiện đúng mục tiêu, lộ trình chấm dứt khai thác để cải tạo,

phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ đối với hoạt động khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực. Thiết lập các vành đai cây xanh, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản, vật liệu xây dựng đến cuộc sống của người dân, môi trường và cảnh quan du lịch.

- Thực hiện thường xuyên, đồng bộ các giải pháp thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải. Thực hiện phân loại rác tại nguồn, thu gom, xử lý rác thải theo nguyên lý kinh tế tuần hoàn, công sinh công nghiệp. Tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa, giảm dần mức sản xuất và sử dụng túi ni lông khó phân hủy và sản phẩm nhựa dùng một lần. Tăng cường thu hút các dự án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện của địa phương; đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Các địa phương rà soát, đánh giá, khắc phục những tồn tại về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, trong đó tập trung tăng cường hoạt động thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, khuyến khích người dân ủ rác hữu cơ thành phân vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời chú trọng thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật, xử lý bãi rác tự phát, gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học tại Quần thể di sản thiên nhiên thế giới Tràng An, Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long, Vườn quốc gia Xuân Thủy, Vườn quốc gia Cúc Phương, Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng Châu thổ sông Hồng, Quần thể Tam Chúc và các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đảm bảo độ che phủ rừng tăng ổn định đến năm 2030 là 2,0%; nâng cao chất lượng phòng hộ của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu rừng. Thúc đẩy trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh bài bản gắn với hoàn thiện hạ tầng xanh, cảnh quan sinh thái; đẩy nhanh lộ trình tham gia thị trường tín chỉ các - bon, góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh.

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời tăng cường kiểm soát không để phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động làng nghề, chăn nuôi xen kẽ trong khu dân cư; việc sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước, góp phần cải thiện chất lượng môi trường nông thôn.

- Hệ thống hạ tầng giao thông đô thị được hoàn thiện đồng bộ, đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng; hệ thống phương tiện giao thông công cộng được đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường.

- Đẩy mạnh chuyển dịch kinh tế theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường; phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ít phát thải, các - bon thấp, kết hợp phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Có

cơ chế thu hút, đầu tư các khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh; khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thân thiện với môi trường. Tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác liên vùng về bảo vệ môi trường nhất là bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy.

- Kiện toàn, bổ sung, nâng cao năng lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ thực thi công vụ trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường cấp xã theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới triển khai chính quyền địa phương 02 cấp.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa thông qua các chương trình, đề án, dự án. Xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch, dự án giảm phát thải; triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và tài chính nhằm thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ theo hướng xanh, ít phát thải. Cân đối, ưu tiên sử dụng nguồn vốn chi sự nghiệp môi trường cho công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực hiện lựa chọn đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải đảm bảo theo đúng quy định. Tiếp tục đầu tư các dây chuyền nâng công suất xử lý của các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại. Thực hiện xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường bãi chôn lấp B tại thung Quèn Khó, phường Trung Sơn và thung Đám Gai, xã Tân Thanh. Các đơn vị thu gom, vận chuyển được trang bị các trang thiết bị, phương tiện thu gom chất thải đầy đủ để thu gom chất thải và phù hợp với loại chất thải được phân loại; các xã/phường bố trí các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, điểm thu gom chất thải nguy hại từ các hộ gia đình, cá nhân đáp ứng nhu cầu của địa phương. Từng bước giảm dần tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp trực tiếp; tiến tới đóng cửa, cải tạo các bãi chôn lấp không còn khả năng tiếp nhận chất thải; dừng hoạt động đối với các lò đốt rác quy mô nhỏ lẻ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy: Hoàn thiện hệ thống thu gom thoát nước thải và xử lý nước thải khu đô thị, khu dân cư tập trung đã được phê duyệt theo quy hoạch, vận hành hiệu quả các trạm xử lý nước thải tập trung đã được đầu tư xây dựng.

- Phát triển mạng lưới cấp nước, đảm bảo 100% người dân trong tỉnh được cung cấp và sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh, bảo vệ nguồn nước mặt; giảm thiểu hoạt động khai thác nước dưới đất.

- Hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch đối với các khu đô thị mới, khu dân cư mới. Lắp đặt hệ thống đường ống thu gom cấp 1, 2, 3; từng bước cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải của khu dân cư hiện trạng về trạm xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả

thải ra môi trường.

- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh phục vụ công tác quy hoạch, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước; phối hợp xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất, thiệt hại; xây dựng các giải pháp và triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Ninh Bình.

- Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, cập nhật quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên địa bàn tỉnh; xây dựng chương trình Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Ninh Bình.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông đô thị đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng; hệ thống phương tiện giao thông công cộng được đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình kinh tế xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững. Phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp phát thải thấp; khuyến khích chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, từng bước loại bỏ nhiệt điện than, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn, sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; thúc đẩy mua sắm công xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, từng bước tham gia thị trường các - bon. Xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững thích ứng với xâm nhập mặn.

5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

- Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên: Xác định khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước; tăng cường bảo vệ môi trường đất và đa dạng sinh học; quản lý chặt chẽ tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, xâm thực.

- Xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng phù

hợp với điều kiện khí hậu; phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững, đặc biệt vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

- Quản lý và bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng ven biển; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng.

- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu trước các hiện tượng thời tiết cực đoan. Quy hoạch lại mạng lưới kênh mương, hồ chứa và trạm bơm theo hướng đa mục tiêu và liên vùng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước lũ, ứng cực bộ do mưa lớn vượt tần suất thiết kế hiện tại; đầu tư các công trình hạ tầng cấp xã như hệ thống kênh mương, tiêu thoát nước, công trình phòng chống thiên tai quy mô nhỏ, bảo vệ dân cư nông thôn. Phát triển hạ tầng xanh bao gồm giao thông đô thị xanh (xe buýt điện, các tuyến metro, xe đạp công cộng, hạ tầng đi bộ; giảm phương tiện cá nhân).

- Tăng cường các giải pháp cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn, ven biển. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, đầu tư trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới: Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận nguồn vốn cho người dân vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên và người dân.

- Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu; hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai. Xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, theo dõi, giám sát khí hậu cực đoan.

- Củng cố, nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển và các công trình thủy lợi bảo đảm an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu. Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão theo quy hoạch; tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ; tác hại của xâm nhập mặn. Tăng cường biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai; nâng cao năng lực cho lực lượng tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

6. Thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực, từng bước tham gia thị trường các - bon hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050

- Giám sát các cơ sở phát thải khí nhà kính, các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính từ 3.000 tấn CO₂td trở lên trên địa bàn tỉnh thực hiện giảm phát thải khí nhà kính theo quy định. Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; định kỳ cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích cơ sở phát thải khí nhà

kính, cơ sở sử dụng năng lượng, cơ sở phát thải khác, đặc biệt là cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính.

- Giảm phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực năng lượng thông qua giảm tỷ trọng các nguồn nhiên liệu hóa thạch; tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; không phát triển các dự án nhiệt điện than mới. Đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất và tiêu dùng; nâng cao hiệu suất các thiết bị sử dụng năng lượng như lò hơi, động cơ điện, cấp nhiệt, làm mát tập trung. Từng bước sử dụng hydro thay thế than trong công nghiệp luyện kim, trong các ngành du lịch, thương mại. Thúc đẩy điện khí hóa nông nghiệp và chuỗi sản xuất sau thu hoạch. Tăng hiệu suất vận tải đường bộ, đường sắt; chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng. Khuyến khích áp dụng giải pháp giảm phát thải khí nhà kính từ vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xanh thân thiện với môi trường; thay thế xi măng truyền thống bằng xi măng ít clinker hoặc các vật liệu khác giảm phát thải CO₂; tăng cường sử dụng vật liệu tái tạo, tái chế phế thải xây dựng.

- Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất thông qua bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có; kiểm soát nghiêm ngặt việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nhằm hạn chế mất rừng và suy thoái rừng. Đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ, trồng rừng ven biển và quản lý rừng bền vững nhằm tăng khả năng hấp thụ các - bon. Phát triển mô hình nông - lâm kết hợp, góp phần tăng hấp thụ các - bon và chống suy thoái đất.

- Áp dụng biện pháp giảm phát thải trong trồng trọt, chăn nuôi thông qua đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức canh tác và sử dụng đất. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp phát thải thấp; mở rộng diện tích tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày. Tăng cường tái sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp; xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp kỹ thuật nhằm giảm phát thải khí mê-tan trong canh tác lúa và chăn nuôi.

- Giảm phát thải trong lĩnh vực chất thải thông qua triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng; thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải và thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất. Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn; áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải rắn: Chôn lấp có thu gom khí (LPG), chôn lấp bán hiếu khí, đốt rác phát điện, sản xuất viên nén nhiên liệu,... Áp dụng các biện pháp tiên tiến trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê-tan. Tăng cường điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, các hoạt động trên biển và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp.

- Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp thông qua khuyến khích ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả năng lượng và nguyên liệu trong các ngành công nghiệp. Tăng cường sử dụng nhiên liệu và vật liệu thay thế thân thiện với môi trường trong sản xuất xi măng, kính, gạch ốp lát và các vật liệu xây dựng.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất nghiên cứu áp dụng công nghệ thu giữ và lưu trữ các - bon trong một số ngành công nghiệp có phát thải lớn. Từng bước giảm sử dụng các môi chất lạnh có tiềm năng gây nóng lên toàn cầu cao; thúc đẩy thu hồi, tái sử dụng, tái chế môi chất lạnh và chuyển sang sử dụng môi chất lạnh có chỉ số GWP thấp.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; xử lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm. Khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, công nghệ tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng và tái chế chất thải, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường và sản phẩm tái chế. Thúc đẩy sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện khí hậu; tăng cường ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và sinh hoạt. Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Big Data) vào quản lý, giám sát và vận hành hệ thống thu gom, xử lý rác thải; áp dụng hệ thống quản lý rác thải thông minh dựa trên dữ liệu số để theo dõi, đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý rác thải.

- Chủ động tìm kiếm nguồn lực đầu tư, nguồn tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, chính phủ, địa phương, doanh nghiệp nước ngoài nhằm trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực quản lý và triển khai các mô hình phát triển bền vững.

- Thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường hợp tác trong ứng dụng các công nghệ giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Phối hợp với Bộ, ngành triển khai thị trường các - bon; tổ chức các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các - bon.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường các đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu tới người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt sông, hồ nội tỉnh tỉnh Ninh Bình sau khi được ban hành.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường đa dạng, linh hoạt dưới nhiều hình thức; tuyên truyền, giám sát các cơ sở phát thải khí nhà kính, các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính từ 3.000 tấn CO₂td trở lên trên địa bàn tỉnh thực hiện giảm phát thải khí nhà kính; định kỳ cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải, nhất là nước thải công nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dân cư tập trung, làng nghề, các nguồn thải có quy mô lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, các dự án đầu tư vào khu vực ven biển; bụi, khí thải tại các cơ sở khai thác và chế biến vật liệu xây dựng.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, khoáng sản theo hướng phát triển xanh, bền vững. Thực hiện đúng mục tiêu, lộ trình chấm dứt khai thác để cải tạo, phục hồi môi trường và đóng cửa mỏ đối với hoạt động khai thác khoáng sản phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực. Thiết lập các vành đai cây xanh, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản, vật liệu xây dựng đến cuộc sống của người dân, môi trường, cảnh quan du lịch.

- Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, tăng cường công tác kiểm tra, vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo giấy phép môi trường đã được cấp. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đối với các cơ sở sản xuất xi măng, khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, y tế, khu, cụm công nghiệp, hoạt động chăn nuôi, làng nghề. Kiểm tra việc vận hành hệ thống quan trắc tự động tại các cơ sở. Tăng cường hoạt động quan trắc, dự báo diễn biến môi trường, xác định kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách của tỉnh. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch từng bước đóng cửa hoặc di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nhất là trong khu đô thị, đông dân cư, tác động xấu đến đời sống dân cư, các cơ sở trong làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường kéo dài ra khỏi khu dân cư đảm bảo theo đúng quy định.

- Tăng cường kiểm soát, quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên trên địa bàn; tăng cường công tác bảo vệ các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy chiến lược trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh bài bản gắn với hoàn thiện hạ tầng xanh; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đẩy nhanh lộ trình tham gia thị trường tín chỉ các - bon, thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện. Xây dựng đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là rừng, đất ngập nước, biển, núi đá, hang động.

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời tăng cường kiểm soát không để phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới trên địa bàn tỉnh. Xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường bãi chôn

lấp B tại thung Quèn Khó, phường Trung Sơn và bãi chôn lấp rác tại thung Đám Gai, xã Tân Thanh.

- Hướng dẫn công tác phân loại thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường thực hiện đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp. Phát triển các mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn theo hướng tiên tiến, hiện đại; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ trong xử lý chất thải, nước thải nhằm giảm phát thải khí mê - tan.

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí về môi trường hướng tới xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan ngăn chặn và xử lý việc lạm dụng hóa chất trong canh tác, sử dụng thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, các loại giống cây trồng, vật nuôi nằm ngoài danh mục cho phép sử dụng trong nông nghiệp.

- Xây dựng, cập nhật quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên địa bàn tỉnh; xây dựng chương trình Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Ninh Bình.

- Xây dựng, vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu về môi trường; điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành và đề xuất các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn của tỉnh phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khí hậu, tài nguyên nước để góp phần hỗ trợ hiệu quả công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức xây dựng và ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo định kỳ 10 năm cấp tỉnh. Thực hiện đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất, thiệt hại; xây dựng các giải pháp và triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Lập kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Ninh Bình.

2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn quy hoạch, thiết kế và xây dựng công trình, nhà ở áp dụng các giải pháp làm mát xanh, giải pháp dựa vào tự nhiên nhằm giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị; sử dụng vật liệu xây dựng ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các công trường thi công xây dựng trên địa bàn, yêu cầu 100% phải có biện pháp che chắn, kiểm soát bụi, rửa xe ra vào công trình. Khuyến khích áp dụng giải pháp giảm phát thải khí nhà kính từ vật liệu xây dựng: Sử dụng vật liệu xanh thân thiện với môi trường; thay thế xi măng truyền thống bằng xi măng ít clinker hoặc các vật liệu khác giảm phát thải CO₂; tăng cường sử dụng vật liệu tái tạo, tái chế phế thải xây dựng. Kiểm soát việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật lắp đặt hệ thống điều hòa không khí trong công trình xây dựng nhằm thực hiện lộ trình giảm dần việc sử dụng môi chất lạnh HCFC, HFC.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông đô thị theo hướng đáp ứng định hướng tăng dần tỷ lệ giao thông xanh, giao thông công cộng. Nghiên cứu đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải qua áp dụng các tiêu chuẩn tiêu hao nhiên liệu và định mức phát thải; giải pháp tăng hiệu suất vận tải đường bộ, đường sắt; chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng.

- Đôn đốc các chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư mới hoàn thành đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống đường ống thu gom nước thải theo quy hoạch.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm định khí thải xe ô tô tuân thủ đảm bảo theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; phối hợp với Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan trong công tác quản lý, kiểm soát khí thải phương tiện tham gia giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các xã, phường rà soát cải tạo, xây mới các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo đúng quy hoạch, quy chuẩn quy định.

- Tham mưu quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

3. Sở Tài chính

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp phép xây dựng đối với các dự án đầu tư; không thu hút các dự án có công nghệ lạc hậu, hạn chế thu hút các dự án tiêu hao năng lượng lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh: Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thu hút đầu tư các cơ sở, khu xử lý chất thải tập trung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, tăng cường xử lý rác thải kết hợp thu hồi năng lượng, đồng xử lý rác thải, hạn chế chôn lấp trực tiếp rác thải. Tham mưu phát triển các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tài chính giúp doanh nghiệp chuyển đổi công nghệ và nâng cao hiệu quả quản lý phát thải.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan tham mưu bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

4. Sở Công Thương

- Tham mưu phát triển ngành công nghiệp môi trường hướng tới tái chế, tái sử dụng chất thải, thúc đẩy giảm phát thải trong các ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản theo thẩm quyền; tăng cường kiểm tra việc chấp hành các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham mưu đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo hướng đồng bộ, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất trong cụm công nghiệp, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định.

- Tổ chức triển khai các chương trình, giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất theo hướng phát thải thấp; giảm dần sử dụng nhiên liệu hóa thạch, nâng cao tỷ trọng năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm, các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính thực hiện kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định.

- Phối hợp với UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng tiện lợi thực hiện các giải pháp giảm thiểu chất thải nhựa, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, tăng cường sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

5. Sở Y tế

- Chỉ đạo công tác thu gom, xử lý chất thải y tế tại các bệnh viện, trung tâm y tế và cơ sở khám chữa bệnh tư nhân; tổ chức thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải bệnh viện và các cơ sở y tế, đảm bảo chất thải y tế được thu gom, xử lý theo quy định.

- Chủ trì xây dựng quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Lòng ghép nội dung bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình giáo dục địa phương đảm bảo thiết thực, trực quan trong các cấp học và hoạt động ngoại khóa để nâng cao nhận thức của các thế hệ trẻ từ mầm non trở lên. Tổ chức các phong trào, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học trong học sinh, sinh viên về biến đổi khí hậu; xây dựng trường học Xanh, Sạch, Đẹp, An Toàn; tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và giáo dục STEM trong giảng dạy các chủ đề về khí hậu, môi trường và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong học đường, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với học sinh, sinh viên đồng thời tạo hiệu ứng cho toàn cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

7. Sở Du lịch

- Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai các điểm du lịch không túi ni lông, sản phẩm nhựa dùng một lần; xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển du lịch bền vững, xanh và du lịch có trách nhiệm. Khuyến khích các cơ sở, tổ chức du lịch giảm dần sử dụng môi chất lạnh HCFC, HFC trong chuỗi lạnh, hệ thống lạnh và điều hòa không khí tòa nhà; nâng cao hiệu quả làm lạnh, giảm nhu cầu làm mát và tiêu hao môi chất lạnh thông qua giải pháp thiết kế tòa nhà và làm mát thụ động.

- Đôn đốc, giám sát các địa phương có khu du lịch, dịch vụ tập trung tổ chức niêm yết công khai các quy định về bảo vệ môi trường và vệ sinh công cộng; yêu cầu các điểm du lịch phải có các công trình công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Theo dõi tình hình môi trường du lịch tại địa phương; phát hiện kịp thời các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, các hành vi xâm phạm môi trường du lịch; xử lý nghiêm hoặc kiến nghị cơ quan có trách nhiệm để xử lý.

8. Sở Văn hóa và Thể thao

- Tổ chức thực hiện các quy định về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trong hoạt động văn hóa, thể thao.

- Đôn đốc các địa phương có khu di tích, điểm di tích tổ chức niêm yết công khai các quy định về bảo vệ môi trường và vệ sinh công cộng, bố trí các công trình công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Định hướng, chỉ đạo cơ quan truyền thông đẩy mạnh thời lượng tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở, pano, áp phích, sinh hoạt cộng đồng, phù hợp với nhận thức, văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ nhằm lan tỏa sâu rộng, khuyến khích và động viên toàn dân tích cực tham gia.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công tác bảo vệ môi trường, tập trung nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, các mô hình phát triển kinh tế xanh.

- Tham gia ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; rà soát danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao nhằm ngăn chặn việc chuyển giao công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ, hiệu suất năng lượng thấp gây ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh trong việc áp dụng, lựa chọn công

nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tham mưu đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ; tham mưu cơ chế, chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thân thiện môi trường; phát triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ít phát thải, các - bon thấp phù hợp điều kiện của tỉnh. Tập trung vào công nghệ mới, hiện đại trong chuyên đổi sản xuất năng lượng theo hướng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng nhiên liệu, vật liệu mới ít phát thải, thân thiện khí hậu.

10. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh rà soát đánh giá, sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các lực lượng khác làm việc trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

11. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các nhiệm vụ ngoại giao về hợp tác khoa học và công nghệ trong công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

12. Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp theo định hướng tăng trưởng xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng, bảo vệ môi trường. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan lựa chọn, sàng lọc các dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp có công nghệ tiên tiến đảm bảo về môi trường.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải lớn (công nghiệp, nhiệt điện, xi măng, dự án thuộc danh mục có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường,...) và các công trường thi công xây dựng trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, yêu cầu 100% phải có biện pháp che chắn, kiểm soát bụi, rửa xe ra vào công trình thuộc thẩm quyền quản lý.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng từng khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh về công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng đất, đầu tư, môi trường... Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, tham mưu UBND tỉnh kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, có sai phạm về đất đai, môi trường, gây lãng phí đất đai theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp; phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm

pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng và doanh nghiệp thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn; khuyến khích áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp phát thải thấp.

- Chỉ đạo, đôn đốc và yêu cầu các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo cam kết trong giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải và kết nối, truyền thông tin về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định. Phối hợp với chủ kinh doanh hạ tầng kiểm tra việc đầu nối, xử lý sơ bộ nước thải của các doanh nghiệp trước khi xả vào hệ thống chung của các khu công nghiệp; việc phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại của doanh nghiệp, khuyến khích mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải, kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp.

- Tham mưu UBND tỉnh đầu tư hệ thống xử lý nước thải đối với 02 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung (khu công nghiệp Tam Điệp 1, hoàn thành năm 2027; khu công nghiệp Mỹ Trung, hoàn thành năm 2030). Đảm bảo 100% các khu công nghiệp đang và mới hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Tham mưu cơ chế thu hút, đầu tư các khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh, khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thân thiện với môi trường.

13. Thanh tra tỉnh

- Rà soát, xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm, trong đó chú trọng thanh tra các hoạt động sản xuất phát sinh lưu lượng khí thải lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Kịp thời thanh tra các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường (qua thông tin dư luận xã hội, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân), nhất là đối với các đối tượng có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường không khí, các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động về quản lý, xử lý chất thải, khí thải và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

14. Công an tỉnh

- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đốt rác thải sinh hoạt, phế phẩm nông nghiệp, vật liệu xây dựng không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường, nhất là các hành vi cố ý gây ô nhiễm môi trường để xảy ra hậu quả nghiêm trọng của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ thu gom, xử lý rác thải đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự.

- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh

học, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Tiếp nhận giải quyết, tố giác, tin báo tội phạm về môi trường theo đúng quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý nghiêm đối với tình trạng xe quá khổ, quá tải, không che chắn khi vận chuyển vật liệu xây dựng; xử lý nghiêm các cơ sở khai thác khoáng sản vi phạm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vượt hạn mức gây ô nhiễm môi trường, gây mất an toàn lao động.

15. UBND các xã, phường

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện phân loại, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, giảm thiểu rác thải nhựa, tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi, phân bón hữu cơ, hạn chế sử dụng túi nilon; tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trên địa bàn về tác hại của các hoạt động xử lý lạc hậu như đốt rơm rạ,...; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, tổ dân phố trong bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, gắn nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu với xây dựng đô thị văn minh, khu dân cư xanh - sạch - đẹp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của cụm công nghiệp, làng nghề để kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí về môi trường hướng tới xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại đảm bảo phát triển bền vững.

- Tổ chức quản lý, vận hành tốt các điểm tập kết rác thải sinh hoạt, các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thường xuyên cải tạo các trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện thu gom, xử lý theo quy định. Phối hợp với đơn vị vận chuyển thu gom, xử lý toàn bộ rác thải, không để ứ đọng tại các điểm tập kết rác thải. Từng bước đầu tư xe chở rác và thực hiện thu gom trực tiếp từ xe đẩy.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi đốt rác thải sinh hoạt, phế phẩm nông nghiệp không đúng quy định thuộc địa bàn quản lý; 100% các xã, phường triển khai xây dựng các bể thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng canh tác nông nghiệp; thực hiện thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định.

- Đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi rác tự phát gây ô nhiễm môi trường, các bãi chôn lấp không còn khả năng tiếp nhận chất thải; dừng hoạt động đối với các lò đốt rác quy mô nhỏ lẻ không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Lập và thực hiện phương án, tổ chức tự quản và xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường ở các làng nghề; tăng cường kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các làng nghề; rà soát, đề xuất phương án di dời, chuyển đổi ngành nghề các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển trong làng nghề. Lập đề án, xác định rõ lộ trình xử lý ô nhiễm môi trường cho các làng nghề đang bị ô nhiễm.

- UBND các xã, phường có hoạt động khai thác khoáng sản và sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng tổ chức giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo cam kết với cơ quan quản lý; duy trì hoạt động đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường, thường xuyên quét dọn, phun nước giảm thiểu bụi trên các tuyến đường dùng chung khu vực sản xuất xi măng, khai thác, chế biến khoáng sản.

- Tập trung thực hiện các dự án thu gom, xử lý nước thải khu đô thị/khu dân cư tập trung; quản lý hiệu quả hoạt động xây dựng và xử lý nước thải tại địa phương, đặc biệt là các công trình được đầu tư từ ngân sách hoặc được bàn giao; vận hành hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng, các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giám sát của người dân và cộng đồng. Xây dựng, duy trì, phát triển, nhân rộng các mô hình toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng, bảo vệ, chăm sóc cây xanh,... Tổ chức các phong trào thi đua toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, hình thành ý thức, thay đổi hành vi của người dân và toàn xã hội. Phát huy vai trò của các tổ chức tôn giáo trong bảo vệ môi trường.

17. Đối với các doanh nghiệp

- Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; kiểm soát chất thải từ hoạt động sản xuất; chủ động thực hiện nâng cao năng lực, cải tiến đổi mới quy trình, trang thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm; có lộ trình giảm phát thải chất thải, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh, chuyển đổi sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng sạch trong sản xuất,...; thực hiện thường xuyên việc quan trắc, giám sát chất thải theo quy định.

- Duy trì hoạt động hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử lý nước thải trong quá trình sản xuất.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải, nước thải tự động theo quy định và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Xây dựng và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh; xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030; xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hàng năm của năm trước kỳ báo cáo.

- Khuyến khích các dự án đầu tư mới áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải khí nhà kính hoặc tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế.

- Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, các công trình xây dựng, phá dỡ:

+ Thực hiện khai thác đúng công suất, thiết kế cơ sở đã được phê duyệt; sử dụng vật liệu nổ theo đúng giấy phép và hộ chiếu nổ mìn đảm bảo thời gian nổ mìn, lượng nổ mìn và an toàn lao động.

+ Thực hiện nghiêm các cam kết bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; xây dựng vận hành thường xuyên, liên tục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (*vận hành thường xuyên hệ thống phun nước dập bụi trạm nghiền sàng, trồng cây xanh, phối hợp với đơn vị liên quan thu gom vật liệu rơi vãi, phun nước dập bụi trên đường vận chuyển*); đầu tư xây dựng hệ thống nghiền sàng khép kín có thu hồi bụi.

+ Bố trí kinh phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường như: Phun nước, rửa xe, quét đường, nạo vét cống rãnh, trồng cây,...

+ Có biện pháp bảo vệ môi trường, che chắn, rửa xe công trường; đảm bảo các xe vận chuyển vật liệu có che phủ, chở đúng trọng tải, chạy đúng tốc độ, không làm rơi vãi vật liệu khi vận chuyển.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí được bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng chương trình, kế hoạch, kinh phí đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này và đáp ứng theo yêu cầu thực tiễn.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) trước ngày 15/12 hàng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối tổng hợp, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - CPVP UBND tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Lưu: VT, VP3, 2, 4, 5, 8.
- Q

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức